
Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Năng lực chung		
1.1	Giấy phép hoạt động (<i>Trường hợp liên danh từng thành viên đáp ứng yêu cầu này</i>).	<ul style="list-style-type: none"> - Có đăng ký kinh doanh nghề bảo hiểm phi nhân thọ do Cơ quan có thẩm quyền cấp. - Có Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. 	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.
1.2	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ	<p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ của nhà thầu độc lập hoặc từng thành viên trong liên danh ≥ 05 năm.</p> <p>(<i>Xem xét trên Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp</i>).</p>	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.
2	Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc	Hiểu rõ về gói thầu và trình bày chi tiết từng vấn đề.	Không trình bày hiểu biết về gói thầu hoặc có trình bày nhưng sơ sài hoặc thiếu nội dung cơ bản.
3	Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu		
3.1	Có nêu đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện. Quy trình thể hiện được sự liên kết chặt chẽ tất cả mọi đối tượng liên quan trong chương trình bảo hiểm của dự án. Có sơ đồ quan hệ để thực hiện bảo hiểm giữa các bên liên quan: Người được bảo hiểm -	Có đầy đủ theo yêu cầu.	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Công ty bảo hiểm - Đơn vị giám định độc lập - Công ty tái bảo hiểm đứng đầu.		
3.2	Bản hướng dẫn phương thức, biểu mẫu, hồ sơ thủ tục giải quyết khiếu nại, đòi bồi thường cho khách hàng (liên quan đến quá trình giải quyết bồi thường bảo hiểm).	Có đề xuất đầy đủ.	Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ các nội dung yêu cầu.
3.3	Thời hạn giải quyết bồi thường kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị bồi thường đầy đủ và hợp lệ.	≤ 15 ngày.	> 15 ngày.
3.4	Đề xuất Công ty giám định độc lập có uy tín, đủ năng lực, phù hợp với yêu cầu dự án. (Trường hợp liên danh từng thành viên đáp ứng yêu cầu này).	≥ 02 Công ty giám định độc lập.	< 02 Công ty giám định độc lập.
3.5	Thời gian giám định tổn thất	Nhà thầu Cam kết đảm bảo thời gian giám định tổn thất trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo sự cố công trình.	Thời gian giám định tổn thất > 48 giờ
4	Yêu cầu về bảo hiểm, tái bảo hiểm		
4.1	Mức giữ lại của nhà thầu Ghi chú: Nhà thầu cung cấp mức giữ lại của mình để có cơ sở đánh giá.	Nhà thầu giữ lại $\leq 10\%$ vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024. Trường hợp liên danh, mức giữ lại của liên danh $\leq 10\%$ tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh tại thời điểm 31/12/2024 (mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng mức giữ lại theo nội dung nêu trên tương ứng với giá	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
		<i>trị tài sản được bảo hiểm mà thành viên này đảm nhận trong liên danh).</i>	
4.2	<p>Trong trường hợp có tái bảo hiểm: Nhà thầu phải nêu rõ chương trình thu xếp bảo hiểm và tái bảo hiểm cho gói thầu này, bao gồm các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chương trình tái bảo hiểm. - Nêu chi tiết tên và tỉ lệ từng nhà tái bảo hiểm, tỉ lệ giữ lại của nhà thầu. - Nêu rõ tên của nhà tái bảo hiểm đứng đầu. - Thu xếp đủ 100% mức trách nhiệm của gói thầu. - Nhà thầu phải cung cấp bảng xếp hạng mới nhất của các tổ chức quốc tế để chứng minh vị trí xếp hạng của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm (đối với doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài). 	Có đầy đủ theo yêu cầu.	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu.
4.3	<p>Xếp hạng của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm (Đối với trường hợp có tái bảo hiểm và doanh nghiệp hoặc tổ chức nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài).</p> <p><i>(Trường hợp liên danh từng thành viên đáp ứng yêu cầu này).</i></p>	Được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s, “B++” theo A.M.Best hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác trong năm tài chính gần nhất nhận tái bảo hiểm nhất.	Xếp hạng dưới mức “BBB” theo Standard & Poor’s, “B++” theo A.M.Best hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác trong năm tài chính gần nhất

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
			năm nhận tái bảo hiểm.
4.4	Mức khấu trừ	<p>* Thiệt hại vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với rủi ro thiên tai \leq 10.000.000VNĐ/mỗi vụ tổn thất. - Đối với rủi ro khác \leq 5.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất. <p>* Trách nhiệm đối với bên thứ ba</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trách nhiệm bên thứ ba: \leq 5.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất. Chỉ áp dụng đối với thiệt hại về tài sản bên thứ 3. 	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.
5	Khả năng đảm bảo tài chính		
5.1	Yêu cầu về khả năng thanh toán	Nhà thầu có tài liệu chứng minh khả năng chi trả bồi thường với giá trị tối thiểu 440.378.313.152 đồng.	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.
5.2	Tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất	Có cam kết, đề xuất của nhà thầu cho tạm ứng số tiền \geq 50% giá trị bồi thường khi có tổn thất	Không có cam kết, đề xuất tạm ứng số tiền $<$ 50% giá trị bồi thường khi có tổn thất
6	Thời hạn bảo hiểm		
6.1	Thời hạn bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm tối thiểu 1270 ngày hoặc bằng thời gian thực hiện thi công gói thầu xây lắp + 12 tháng bảo hành.	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.
6.2	Trường hợp thời gian thi công bị chậm trễ so với tiến độ dự kiến (Bên mua	Có cam kết gia hạn thời gian bảo hiểm theo đề nghị của bên mua bảo hiểm.	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	bảo hiểm sẽ thông báo cho bên Bảo hiểm gia hạn thời gian bảo hiểm công trình mà không phát sinh chi phí cho bên mua bảo hiểm)		
7	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó	Trong vòng 03 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu: Nhà thầu không bị Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do nguyên nhân từ phía nhà thầu được đăng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.